

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 06 - 7 - 2018

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà: Nguyễn Thị Vòng;

Ông: Nguyễn Văn Phương;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018; tại trụ sở TAND thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-DS ngày 23/5/2018 (Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-DS ngày 08/6/2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 34/TB-TA ngày 18/6/2018), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: số 266-268 N, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Quảng Bình (Giấy ủy quyền số 2321/2017/GUQ-PL&TT ngày 07/8/2017); đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trương Xuân T - Phó phòng quản lý rủi ro S chi nhánh Quảng Bình (Giấy ủy quyền số 33/2017/GUQ-CNQB ngày 06/11/2017); địa chỉ: số 05 Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 47, đường T, tổ dân phố 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23/3/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) và ông Nguyễn Hoài N có thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1208300104. Theo đó, Ngân hàng S cho ông N vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1,35% tháng, mục đích vay bổ

sung vốn kinh doanh nông nghiệp - phát triển kinh tế gia đình. Hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 36 tháng (kể từ ngày 23/3/2012 thời điểm trả hết nợ ngày 23/3/2015), tổng tiền gốc và lãi phải trả là 74.300.000 đồng, tiền gốc và lãi trả theo định kỳ hàng tháng (36 kỳ), 35 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.063.000 đồng (tiền lãi 675.000 đồng, tiền gốc 1.388.000 đồng), kỳ cuối cùng trả 2.095.000 đồng (tiền lãi 675.000 đồng, tiền gốc 1.420.000 đồng).

Ông Nguyễn Hoài N đã được giải ngân, kể từ ngày nhận tiền đến nay ông N mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của 1 kỳ đầu, kể từ ngày 25/4/2012 ông N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của các kỳ tiếp theo, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở đòi nợ nhưng ông N vẫn không thanh toán số tiền gốc và lãi theo đúng thỏa thuận với Ngân hàng, khi vay tiền ông N là cán bộ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ nhưng sau đó đã nghỉ việc nên Ngân hàng cũng không thể thu nợ, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từng kỳ và toàn bộ khoản vay đã quá hạn nhiều năm. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoài N phải thanh toán số tiền 141.769.353 đồng (Trong đó nợ gốc là 48.612.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 30/10/2017 là 93.157.535 đồng) và thanh toán khoản lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại hợp đồng từ ngày 31/10/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn xuất trình bảng kê tính lãi theo hợp đồng vay, yêu cầu tòa buộc ông N phải thanh toán số tiền nợ gốc là 48.612.000 đồng, lãi tính đến ngày ngày 06/7/2018 là 107.214.098 đồng (trong đó lãi trong hạn 23.625.000 đồng, lãi quá hạn 83.589.098 đồng); tổng cộng là 155.826.098 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại hợp đồng kể từ ngày 07/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay.

* Trong bản tự khai ngày 24/01/2018, bị đơn ông Nguyễn Hoài N trình bày: Năm 2012, ông N đang làm việc tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, có vay của Ngân hàng chi nhánh Quảng Bình số tiền 50.000.000 đồng đến nay chưa trả, theo thông báo thụ lý vụ án thì số tiền gốc và lãi nợ Ngân hàng đến nay đã là 141.769.353 đồng. Thực tế từ thời điểm vay đến nay bản thân ông N đã nghỉ việc ở cơ quan đang thất nghiệp, bệnh tật triền miên và gia đình ông N trải qua nhiều biến cố vợ chồng ly hôn con nhỏ dại. Ông N không có ý kiến gì về việc tiền tính lãi theo hợp đồng của Ngân hàng. Ông N đề nghị Ngân hàng và Tòa án tạo điều kiện cho ông được trả số tiền gốc không tính lãi, sau khi ông có việc làm ổn định ông sẽ hoàn trả số tiền đã vay, ông không cố tình chây ỳ nhưng vì những lý do trên hiện nay ông không có khả năng để thanh toán nợ. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ cho ông N các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án cũng không đến Tòa theo giấy triệu tập nên không tiến hành hòa giải được. Ông N cũng không đến phiên tòa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đã được tổng đạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại phường H, thành phố Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Hoài N không đến tòa để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự đến phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1208300104 ngày 23/3/2012 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Hoài N, lịch trả nợ, phụ lục kèm theo hợp đồng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, sự thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định ông Nguyễn Hoài N đã được Ngân hàng cho vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1,35% tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh nông nghiệp - phát triển kinh tế gia đình, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 36 tháng (kể từ ngày 23/3/2012 thời điểm trả hết nợ ngày 23/3/2015). Tổng số tiền phải trả là 74.300.000 đồng, tiền gốc và lãi trả theo định kỳ hàng tháng, 35 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.063.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 2.095.000 đồng.

Nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Sau khi được cấp tín dụng ông N chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của kỳ thứ nhất kể từ ngày 25/4/2012 ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, việc ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 2 của phụ lục Hợp đồng tín dụng được 2 bên ký kết: *"Khi đến ngày đáo hạn hoặc đến kỳ hạn trả nợ nếu bên vay không trả nợ (bao gồm vốn gốc, lãi và chi phí phát sinh có liên quan) đầy đủ và kịp thời, ...và không được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng này dù chưa đến hạn cũng được chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay..."*.

Tại khoản d, e Điều 2 Phụ lục quy định: (d) *"Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả nợ gốc, bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc của kỳ hạn mà bên vay không trả đúng hạn... (lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn)"*; (e) *"Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả lãi, bên vay đồng ý chịu mức phạt tính trên số tiền lãi phải trả và số ngày chậm trả do Ngân hàng xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt quá mức phạt theo pháp luật quy định (nếu có)"*.

Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng, Ngân hàng đã tính lãi quá hạn đối với phần nợ gốc và lãi của các kỳ hạn mà bên vay không trả đúng hạn. Sau thời điểm trả hết nợ, ngày 24/03/2012, toàn bộ khoản vay đã quá thời hạn trả nợ Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại điều 2 của Phụ lục hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Số tiền nợ lãi Ngân hàng đã tính đúng như lãi suất đã thỏa thuận giữa hai bên ký kết trong hợp đồng tín dụng. Mặt khác, bị đơn ông Nguyễn Hoài N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại điều 91, khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; ông N chỉ xin Ngân hàng trả tiền gốc không tính lãi, việc xin miễn giảm lãi suất của ông N không được Ngân hàng chấp nhận. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông N thanh toán các khoản tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1208300104 ngày 23/3/2012 với tổng số tiền là 155.826.098 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 48.612.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 06/7/2018 là 107.214.098 đồng (lãi trong hạn 23.625.000 đồng, lãi quá hạn 83.589.098 đồng) và thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 07/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp các Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 5% số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc ông Nguyễn Hoài N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là 155.826.098 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 48.612.000 đồng (*bốn mươi tám triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng*), tiền lãi tính đến ngày 06/7/2018 là 107.214.098 đồng (*một trăm linh bảy triệu hai trăm mười bốn ngàn*

không trăm chín mươi tám đồng) trong đó lãi trong hạn 23.625.000 đồng, lãi quá hạn 83.589.098 đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (06/7/2018) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1208300104 ngày 23/3/2012 và phụ lục kèm theo giữa Ngân hàng Sacombank với ông Nguyễn Hoài N .

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hoài N phải chịu 7.793.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 3.544.233 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000286 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Hải